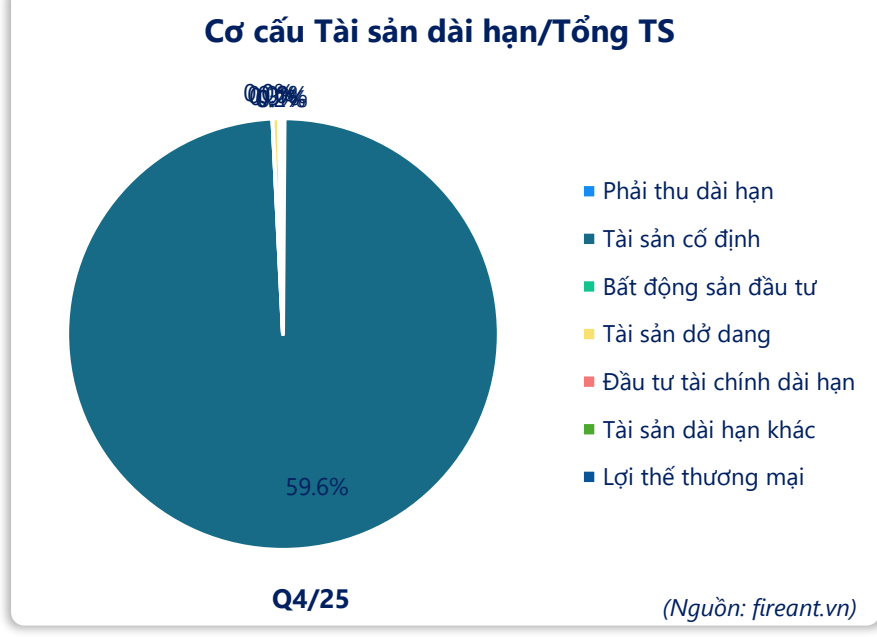
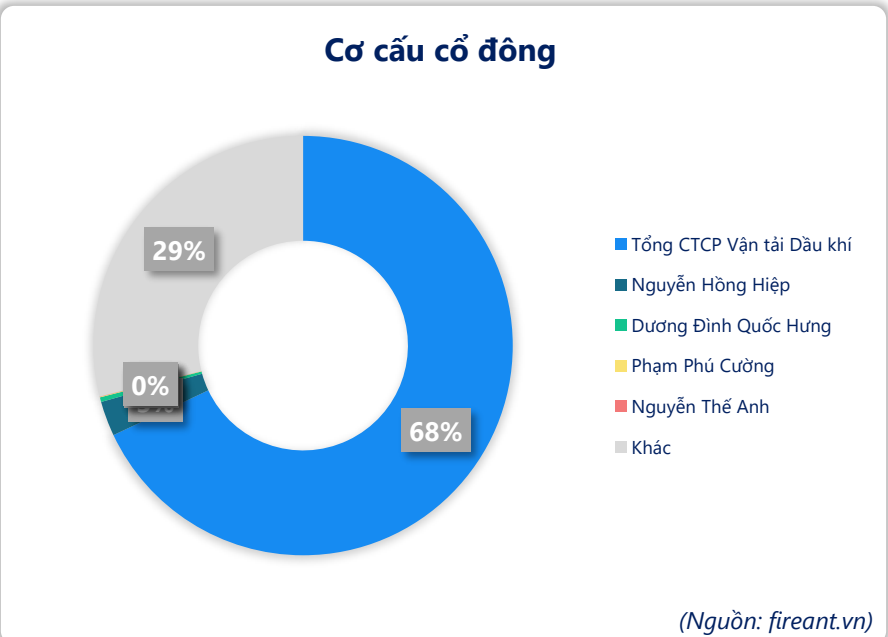
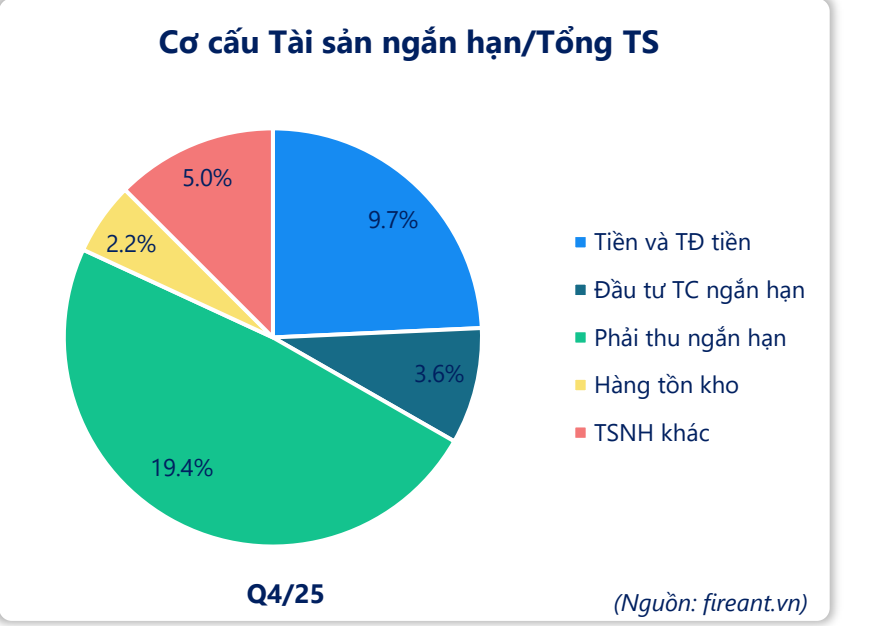
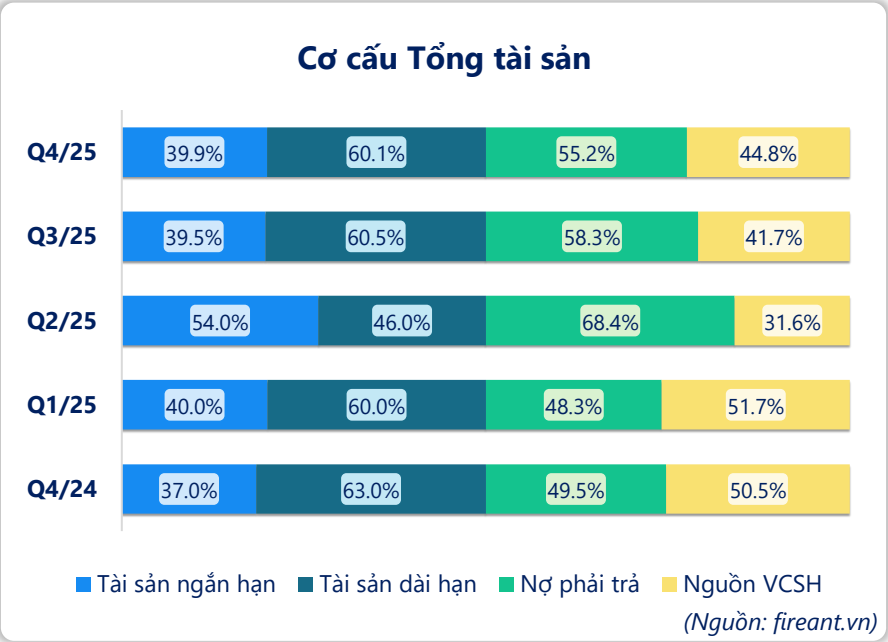
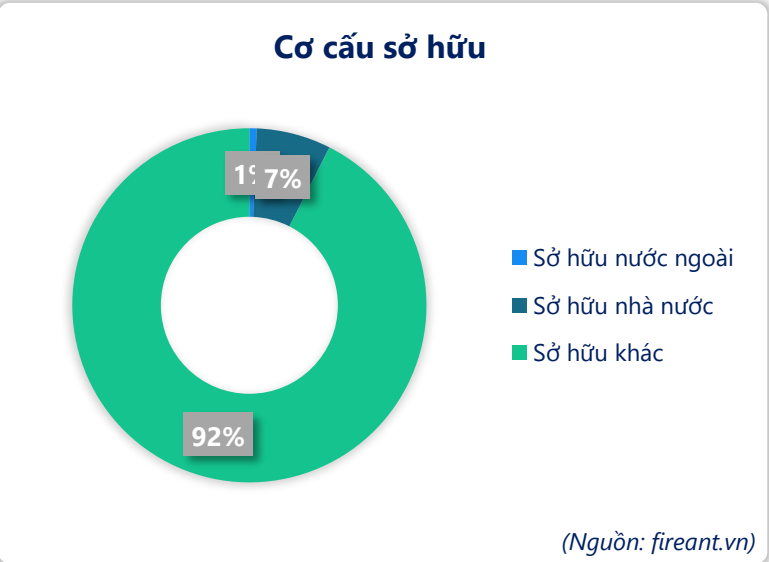
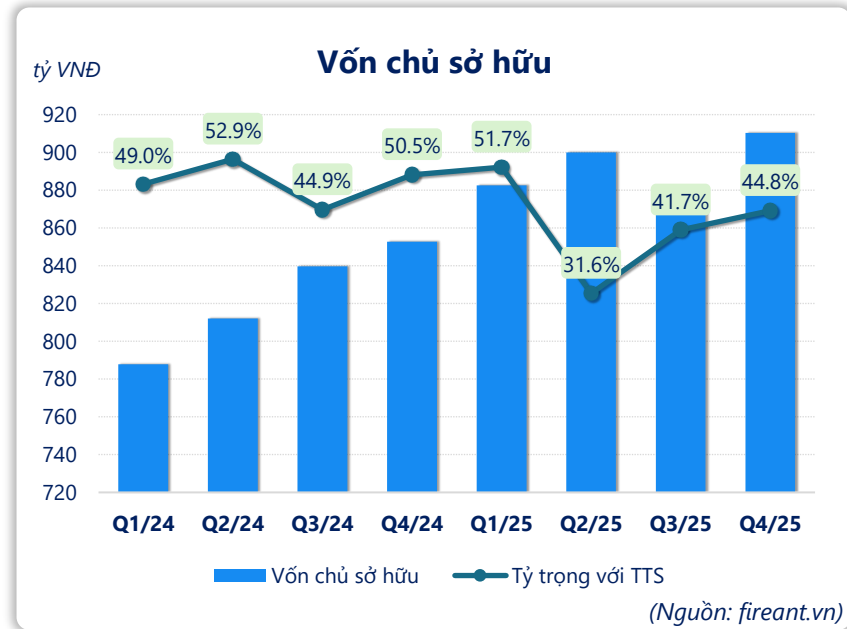
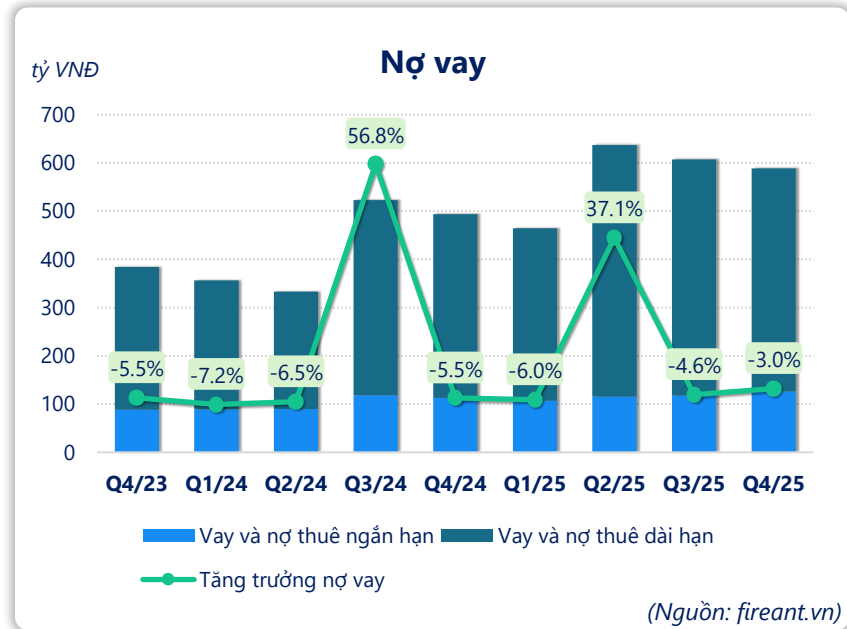
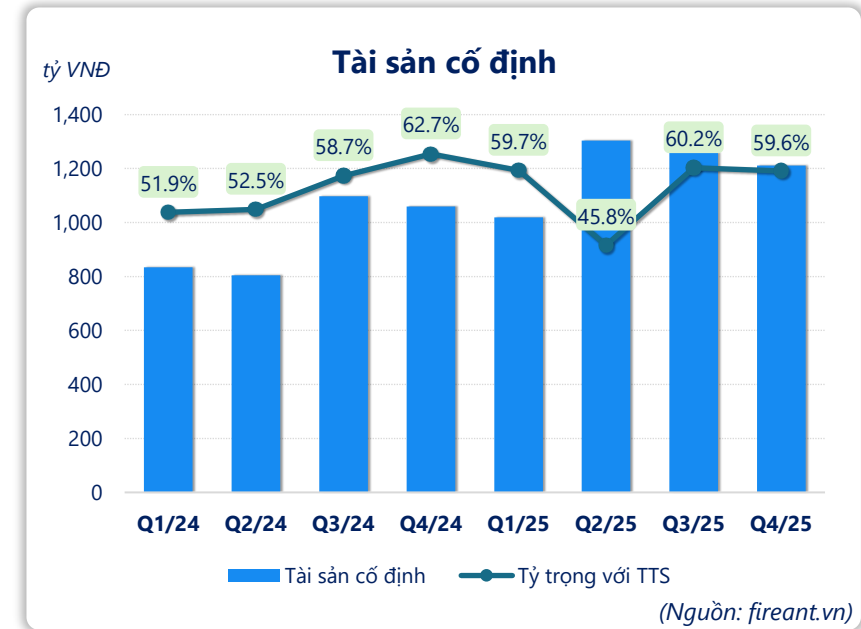
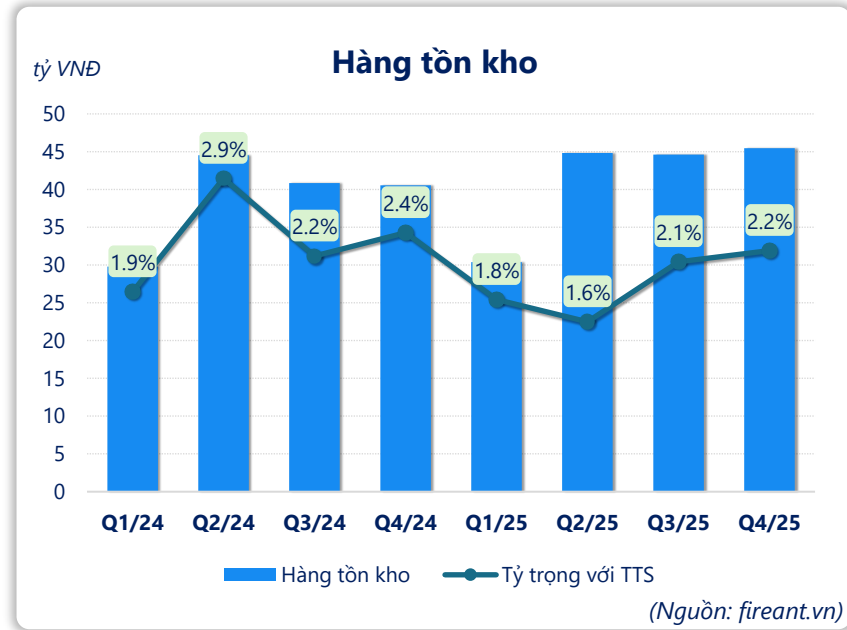
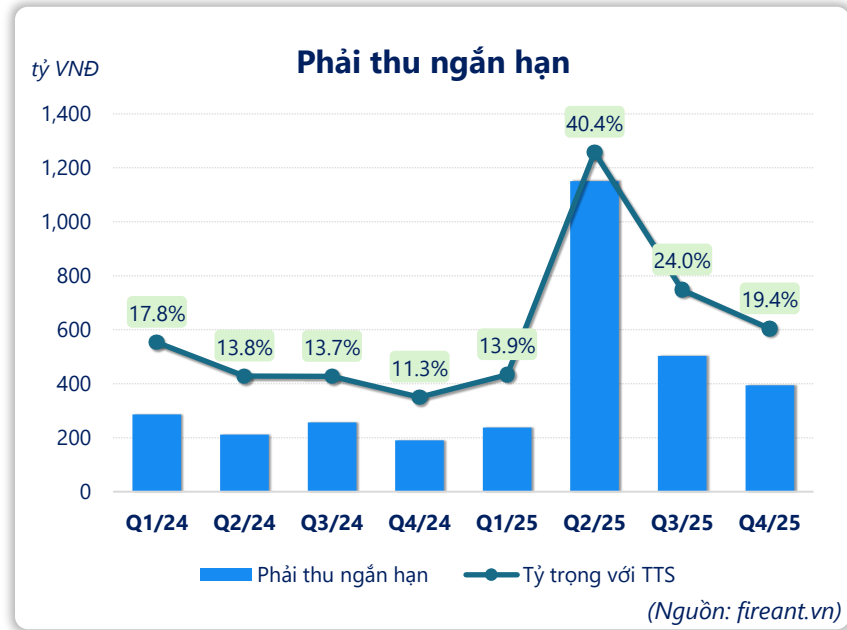
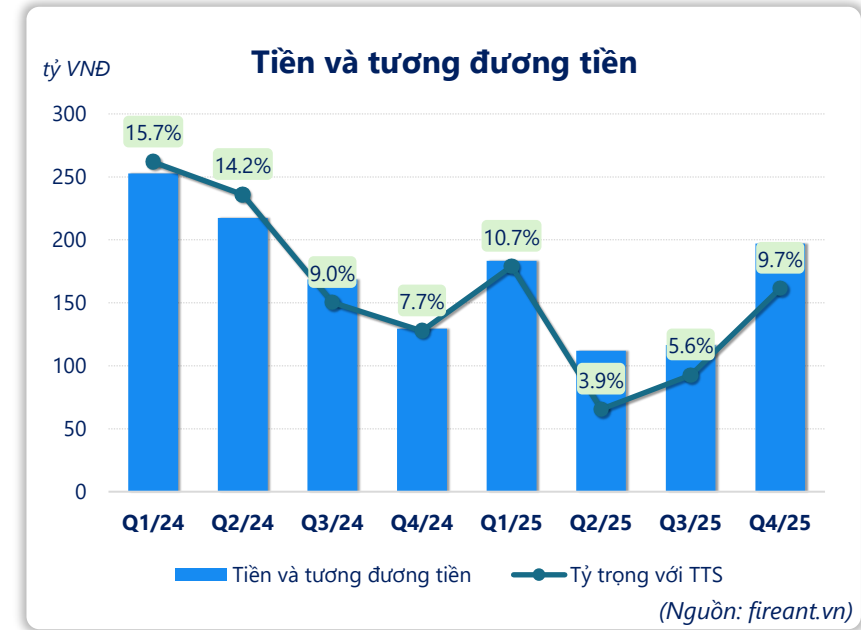
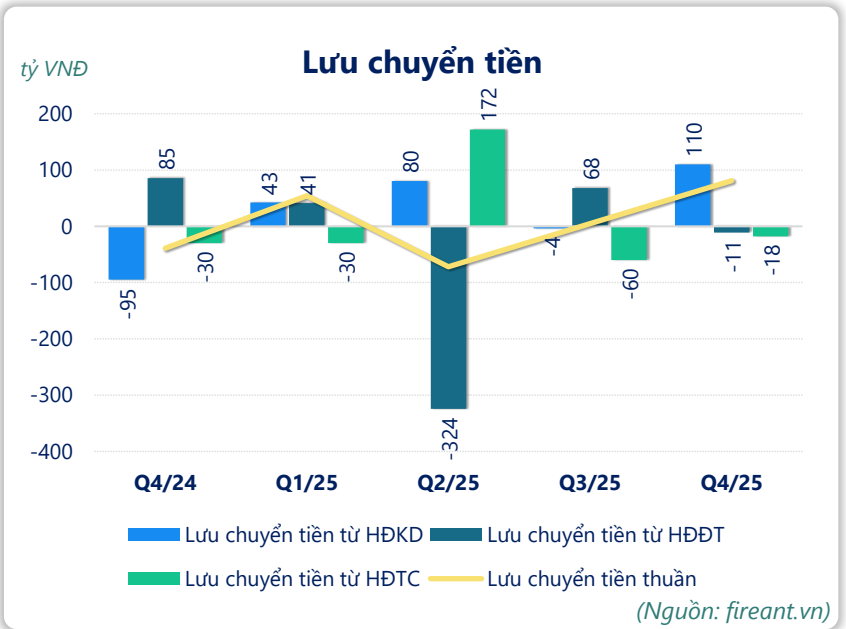
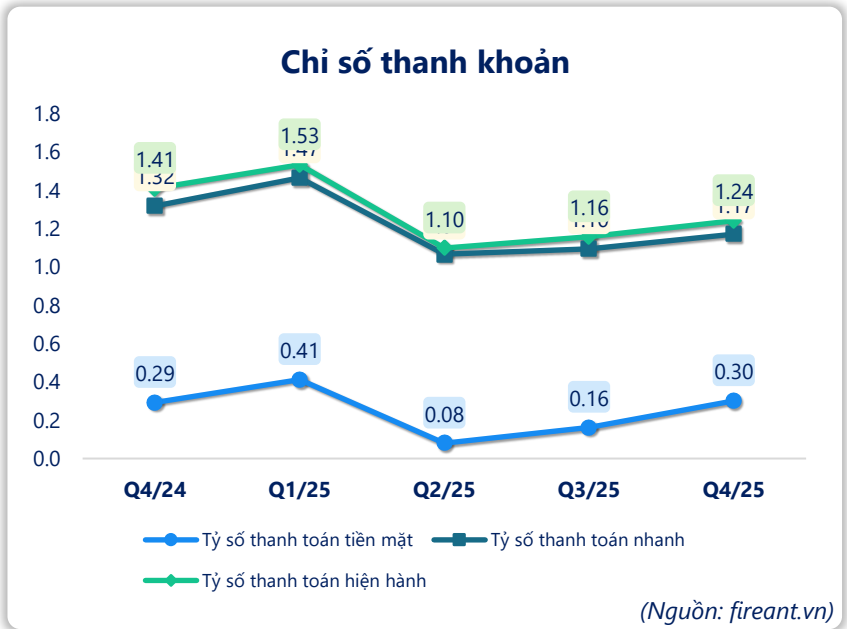
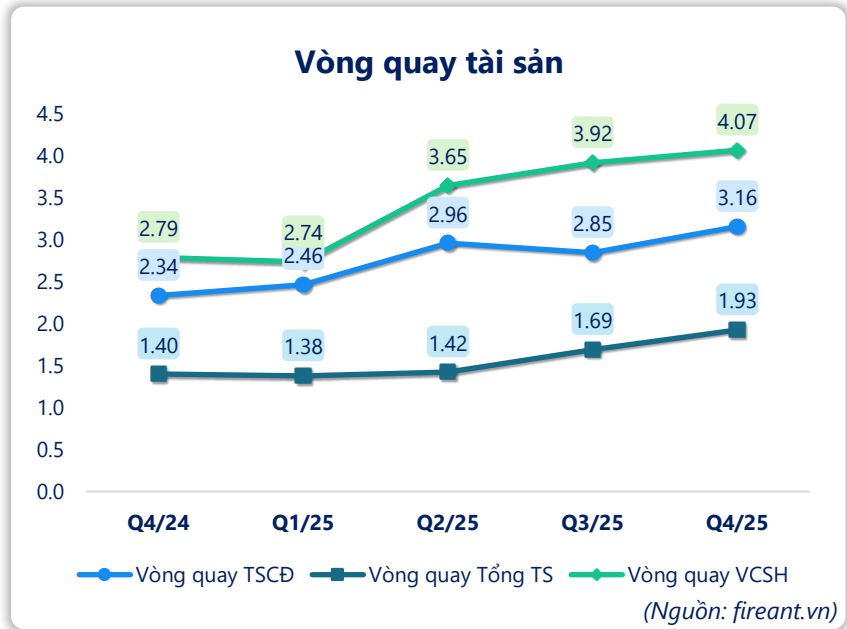
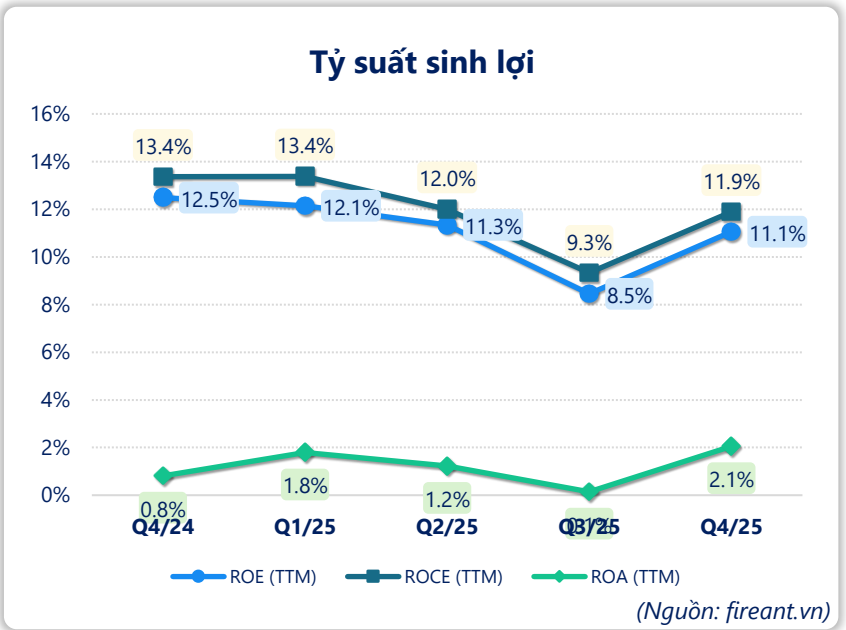
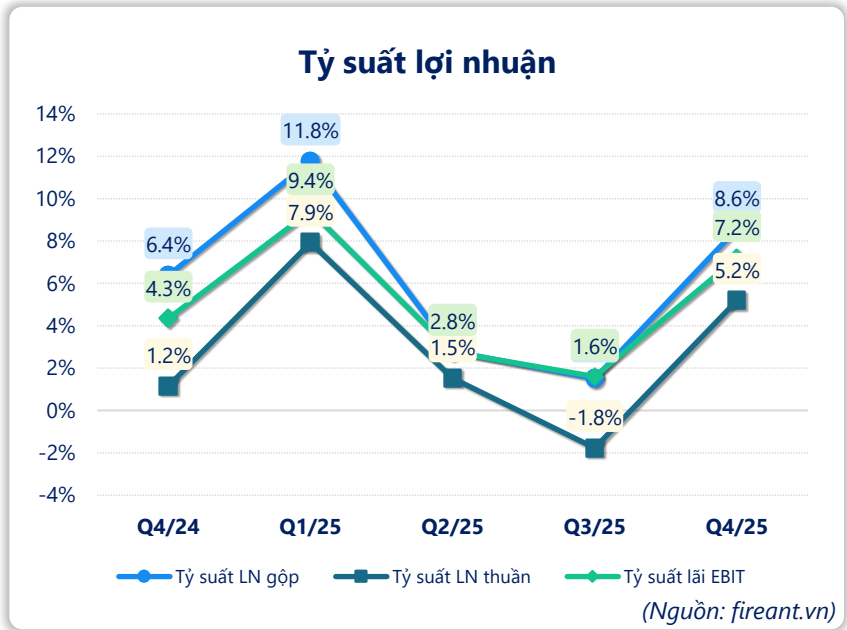
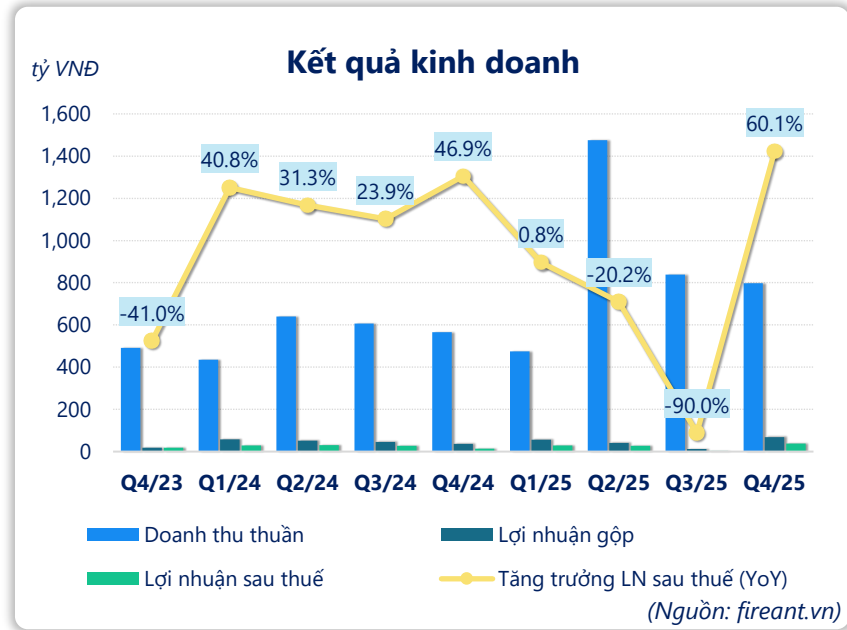


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,224
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,845
SL cổ phiếu LH		67,517,050
KLGD BQ 20 phiên (CP)		61,055
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		702
P/E		7.2
EPS		1,444

	YTD	1T	3T	6T
GSP	-17.0%	0.0%	-8.4%	-8.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,034	1,692	20.2%
Tài sản ngắn hạn	812	627	29.5%
Tiền và tương đương tiền	197	129	52.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.0	167	-56.3%
Phải thu ngắn hạn	395	193	105%
Hàng tồn kho	45.4	40.6	12.1%
Tài sản ngắn hạn khác	102	97.3	4.4%
Tài sản dài hạn	1,222	1,066	14.7%
Phải thu dài hạn	1.39	1.56	-10.8%
Tài sản cố định	1,211	1,060	14.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.98	0.12	4987%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.57	4.04	-11.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,124	839	33.9%
Nợ ngắn hạn	654	445	46.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	126	113	11.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	393	189	108%
Nợ dài hạn	470	395	19.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	463	381	21.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	910	853	6.7%
Vốn chủ sở hữu	910	853	6.7%
Vốn điều lệ	675	614	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	565	474	1,475	838	797
Giá vốn hàng bán	529	418	1,434	825	729
Lợi nhuận gộp	36.1	55.7	41.1	12.6	68.3
Doanh thu HĐTC	8.03	6.07	7.95	8.34	4.29
Chi phí TC	11.4	9.56	11.8	14.1	10.5
Chi phí lãi vay	8.24	7.56	7.63	9.87	9.29
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.75	0.19	0.60	1.11	0.22
Chi phí QLDN	23.4	14.5	14.2	20.6	20.5
LN thuần từ HĐKD	6.54	37.5	22.4	-14.8	41.4
Lợi nhuận khác	9.75	-0.49	10.7	18.4	6.71
LN trước thuế	16.3	37.0	33.1	3.55	48.1
Lợi nhuận sau thuế	13.1	29.6	26.8	2.85	38.2
LNST của CĐ cty mẹ	13.1	29.6	26.8	2.85	38.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-94.9	42.6	80.3	-3.62	110
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	85.4	41.5	-324	68.2	-11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.7	-29.7	172	-60.0	-17.8
Tiền đầu kỳ	169	129	183	112	116
Lưu chuyển tiền thuần	-39.1	54.5	-71.8	4.59	81.1
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	-0.21	0.31	-0.11	-0.41
Tiền cuối kỳ	129	183	112	116	197

(Nguồn: fireant.vn)